TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56 2022/HNGĐ-ST
Ngày 26/12/2022
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Hữu Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên

và bà Đinh Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Ph., sinh năm: 1986.

HKTT: Thôn Tr.Đ, xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Hiện cư trú và làm việc ở Nhật Bản

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K., sinh năm: 1987.

HKTT: Thôn Tr.Đ, xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên.

Hiện cư trú và làm việc: Đài Loan.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Phương Th., sinh ngày 02/4/2011.

HKTT: Thôn Tr.Đ, xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Th.: Anh K. và chị Ph., là bố mẹ đẻ.

* Người làm chứng:

1. Bà Đặng Thị B., sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Thôn Tr.Đ, xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên.

2. Ông Hoàng Văn V., sinh năm: 1954.

3. Bà Nguyễn Thị P., sinh năm: 1962.

Đều địa chỉ: Thôn 2, xã P.S, huyện N.Q, tỉnh Ninh Bình.

(Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai các đương sự trong quá trình tố tụng cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph. trình bày:

Chị Hoàng Thị Ph. và anh Nguyễn Văn K. kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 09/09/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2011 thì anh K. đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong thời gian anh K. lao động tại Đài Loan vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, chị nghi ngờ anh K. không chung thuỷ với chị, anh K. không gửi tiền về cho chị để nuôi con, chị đã trao đổi nhiều lần nhưng anh K. không thay đổi. Từ cuối năm 2012 anh K. không còn liên lạc gì với chị nữa và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Ph. xác định tình cảm vợ chồng với anh K. không còn, yêu cầu TAND tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh K..

Về con chung: Chị Ph. và anh K. có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương Th., sinh ngày 02/4/2011, hiện cháu Th. đang ở với bà Đặng Thị B. là mẹ anh K.. Ly hôn, chị Ph. tự nguyện giao cháu Th. cho anh K. được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến năm cháu Th. đủ 18 tuổi. Anh K. không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Ph. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K. trình bày: Quá trình kết hôn chung sống và nguyên nhan mâu thuẫn vợ chồng như chị Ph. đã trình bày, anh K. xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị Ph. không còn, chị Ph. làm đơn xin ly hôn anh K. đồng ý.

Về con chung và tài sản chung anh K. nhất trí với ý kiến trình bày của chị Ph..

Quá trình giải quyết vụ án anh K. và chị Ph. đều yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Th. trình bày: Cháu là con đẻ của bố Nguyễn Văn K., và mẹ là Hoàng Thị Ph.. Cháu đang ở cùng bà Đặng Thị B. và học tại trường THCS Đ.L, huyện Â.T, bố K. đang đi lao động tại Đài Loan, cháu thường xuyên liên lạc với bố, nếu bố mẹ cháu ly hôn nhau cháu có nguyện vọng được ở với bố K..

Người làm chứng là bà Đặng Thị B. (là mẹ đẻ anh K.) trình bày:

Anh K. và chị Ph. trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, chị Ph. nghi ngờ anh K. ngoại tình dẫn đến vợ chồng anh chị thường xuyên cãi chửi nhau. Gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị Ph. khởi kiện xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung: Bà đề nghị giao con chung theo nguyện vọng của cháu Th. và sự thoả thuận của anh chị là giao cháu Th. cho anh K. nuôi dưỡng, bà nhận trách nhiệm nuôi cháu Th. cho đến khi anh K. về nước. Vợ chồng anh K., chị Ph. không liên quan gì về kinh tế với gia đình bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K. hiện ở Nhật Bản, thường xuyên liên lạc với bà

và anh K. đã biết được việc chị Ph. làm đơn khởi kiện xin ly hôn. Anh K. thể hiện quan điểm như anh K. đã trình trình bày trên.

Người làm chứng ông Hoàng Văn V. và bà Nguyễn Thị P. (bố mẹ đẻ chị Ph.) trình bày: Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, kinh tế không thống nhất, thường xuyên cãi chửi nhau. Gia đình ông bà đã hoà giải nhưng anh chị đều cương quyết xin ly hôn nên gia đình nhất trí cho anh chị ly hôn. Chị Ph. và anh K. không liên quan gì về kinh tế cũng như không có công sức gì đối với gia đình ông, bà nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp:

Trường hợp anh Nguyễn Văn K. đã sử dụng hộ chiếu số B5374485 để xuất cảnh ngày 11/12/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tống đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Ph..

Về án phí: Chị Ph. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị Ph. và anh Nguyễn Văn K. đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Tr.Đ, xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên nhưng hiện nay anh K. đang làm việc và sinh sống tại Đài Loan. Chị Ph. sau khi Tòa án thụ lý vụ án ,chị Ph. cũng xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và những người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và những người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân giữa anh K. và chị Ph. là hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, cả chị Ph. và anh K. đều xác định tình cảm vợ chồng không còn,

chị Ph. làm đơn xin ly hôn, anh K. đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ph. và anh K. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph. cho chị Ph. được ly hôn với anh K. là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Chị Ph. và anh K. có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương Th., sinh ngày 02/4/2011. Chị Ph. và anh K. đều thống nhất, anh K. nuôi cháu Th., chị Ph. không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh K. đang lao động ở nước ngoài nên anh K. và bà B. đã thống nhất bà B. nuôi cháu Th. cho đến khi anh K. về nước nên Hội đồng xét xử giao anh K. nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Phương Th. cho đến khi cháu Th. đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà B. nuôi cháu Th. cho đến khi anh K. về nước.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh K. không yêu cầu chị Ph. cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ph. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị Ph. và anh K. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Ph. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Ph..

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ph. được ly hôn anh Nguyễn Văn K..

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn K. trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Phương Th., sinh ngày 02/4/2011 cho đến khi cháu Th. đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K. không yêu cầu chị Thảo cấp dưỡng nuôi con chung. Công nhận việc bà Đặng Thị B. nuôi cháu Th. cho đến khi anh K. về nước.

Chị Ph. có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, chị Ph. và anh K. có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Chị Ph. và anh K. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Ph. phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị Ph. đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000141

ngày 03/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị Ph. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Ph. và anh K. có quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng